

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 14 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**
TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: **01/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/7/2025

V/v: “*Ly hôn, nuôi con chung*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Hải Âu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Phạm Hồng Sơn

2. Bà: Nguyễn Thị Bích Lam

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Mai Bích Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Bích Ngà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 69/2025/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc: “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXX-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2025/QĐ-HPT ngày 16 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Khu phố M, xã P, tỉnh Lâm Đồng (có đơn xin xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Huỳnh Phước P, sinh năm 1995

Địa chỉ: Khu phố M, xã P, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Trước đây bà Nguyễn Thị T với ông Huỳnh Phước P có tình cảm yêu thương nhau và chung sống với nhau vào năm 2013. Đến năm 2016, bà Nguyễn Thị T với ông Huỳnh Phước P mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là xã P, tỉnh Lâm Đồng)-theo giấy chứng nhận đăng ký kết số 190/2016, ngày 05 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn P. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu hạnh

phúc, nhưng về sau cuộc sống chung của vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, mà nguyên nhân chính là do ông Huỳnh Phước P sử dụng ma túy, không lo cho vợ con. Khi bà T khuyên bảo thì ông P không từ bỏ mà ngày càng nghiện ngập nặng hơn. Cuộc sống chung của vợ chồng không có sự đồng cảm san sẻ, trong những lần vợ chồng cãi nhau ông Huỳnh Phước P có hành vi bạo hành đánh đập bà T nhiều lần, từ đó làm cho cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng căng thẳng nên khoảng tháng 12 năm 2024 đến nay bà T và ông P mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn sống chung với nhau cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay, bà Nguyễn Thị T nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà với ông Huỳnh Phước P đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn lại được, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và hiện nay bà T cũng không còn tình cảm với ông P nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Phước P.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị T với ông Huỳnh Phước P có 02 người con chung tên Huỳnh Thị Phước V, sinh ngày 03/3/2014 và Huỳnh Phước T1, sinh ngày 11/10/2023. Hiện bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi 02 người con chung tên Huỳnh Thị Phước V và Huỳnh Phước T1 đủ 18 tuổi. Bà T không yêu cầu ông Huỳnh Phước P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Phước P đã được Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Huỳnh Phước P không có mặt tại Tòa để trình bày ý kiến. Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn không có mặt tại Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

Về việc kiểm sát tuân theo pháp luật, thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân theo đúng các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: giao người con chung Huỳnh Thị Phước V và Huỳnh Phước T1 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi Huỳnh Thị Phước V và Huỳnh Phước T1 đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Huỳnh Phước P cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; Về án phí: bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Huỳnh Phước P, giao cho bà được nuôi dưỡng 02 con chung. Bị đơn ông Huỳnh Phước P có nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay tại xã P, tỉnh Lâm Đồng. Nên đây là quan hệ pháp luật về “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Lâm Đồng được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Do bị đơn ông Huỳnh Phước P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy, bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Phước P đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P (nay là xã P), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Nay, bà T yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Phước P với lý do trong cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng bà có sự mâu thuẫn trầm trọng đến mức bà T và ông P không còn chung sống trong thời gian dài từ tháng 12 năm 2024 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau.

Xét thấy, lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với nội dung Tòa án xác minh tại địa phương nơi bà T và ông P sinh sống, điều đó thể hiện hôn nhân của bà T và ông P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và ổn định cuộc sống cho các bên, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Phước P có 02 người con chung tên Huỳnh Thị Phước V, sinh ngày 03/3/2014 và Huỳnh Phước T1, sinh ngày 11/10/2023.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Phước P không còn sống chung cho đến nay, bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và hiện nay cuộc sống của cháu đang ổn định. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, giao cả 02 (hai) con chung tên Huỳnh Thị Phước V và Huỳnh Phước T1 cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cả 02 người con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Huỳnh Phước P cấp dưỡng nuôi con.

Ông Huỳnh Phước P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về tài sản và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng đề nghị tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị T là người có yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Huỳnh Phước P.

2/ Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Phước P có 02 (hai) người con chung tên Huỳnh Thị Phước V, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2014, giới tính: Nữ và Huỳnh Phước T1, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2023, giới tính: Nam.

Giao cả 02 (hai) người con chung tên Huỳnh Thị Phước V và Huỳnh Phước T1 cho bà Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi Huỳnh Thị Phước V và Huỳnh Phước T1 đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Huỳnh Phước P cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đồng(*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007416 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 – Lâm Đồng) nên tiền án phí sơ thẩm bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Huỳnh Phước P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi

nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 14 – Lâm Đồng;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THA dân sự khu vực 14 – Lâm Đồng;
- UBND xã Liên Hương;
- Lưu: Hồ sơ.

Huỳnh Hải Âu